HIỆP ĐỊNH

giữa

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

và

CHÍNH PHỦ VƯƠNG QUỐC THỤY ĐIỂN

về

HỢP TÁC THỰC THI PHÁP LUẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM

Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thụy Điển, dưới đây gọi tắt là "các Bên",

Với mong muốn tiếp tục củng cố các mối quan hệ hữu nghị và tăng cường sự hợp tác giữa hai nước, trên cơ sở tôn trọng các quyền con người, pháp quyền, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và hiểu biết lẫn nhau;

Với nguyện vọng bảo vệ có hiệu quả công dân của hai nước và công dân của nước khác trên lãnh thổ mỗi Bên trước những hành động khủng bố và tội phạm khác;

Với mục đích tăng cường và phát triển hợp tác thực thi pháp luật phù hợp với pháp luật quốc tế và pháp luật hiện hành của mỗi nước nhằm đấu tranh phòng chống có hiệu quả các loại tội phạm liên quan đến hai nước;

Căn cứ vào mục tiêu và nguyên tắc của công pháp quốc tế mà hai nước đã tham gia ký kết cũng như Nghị quyết của Liên Hợp Quốc và các cơ quan chuyên môn của Liên Hợp Quốc trong phạm vi phòng, chống tội phạm;

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1: Mục đích hợp tác

1. Các Bên sẽ tăng cường quan hệ hợp tác song phương trong các hoạt động phối hợp phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia có liên quan đến Việt Nam và Thụy Điển.

2. Các Bên sẽ thực hiện Hiệp định này trên cơ sở phát huy tinh thần hợp tác và nhằm thực hiện mục tiêu thúc đẩy quan hệ đối tác giữa các Bên và chia sẻ trách nhiệm trong phòng, chống tội phạm.

Điều 2: Nội dung hợp tác

Căn cứ các quy định của Hiệp định này và pháp luật trong nước của mỗi nước, các Bên ưu tiên hợp tác phòng, chống các loại tội phạm sau:

1. Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;

2. Tội phạm mua bán trái phép các chất ma túy, hướng thần và tiền chất;

3. Tội phạm mua bán người;

4. Tội phạm khủng bố và tài trợ cho khủng bố;

5. Tội phạm lạm dụng tình dục trẻ em;

6. Tội phạm rửa tiền và tham nhũng;

7. Tội phạm làm giả giấy tờ;

8. Các tội phạm khác do các Bên thống nhất xác định theo quy định pháp luật của hai nước.

Điều 3: Hình thức hợp tác

1. Các hình thức hợp tác giữa các Bên sẽ bao gồm việc trao đổi thông tin tội phạm và các biện pháp khác phù hợp với các mục đích của Hiệp định này và phù hợp với nghĩa vụ của các Bên khi tham gia các điều ước quốc tế khác cũng như theo khuôn khổ pháp luật của mỗi nước.

2. Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền của các Bên có thể hợp tác thông qua các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, trao đổi chuyên gia, hợp tác đào tạo và các hoạt động khác, đồng thời cung cấp cho nhau các thông tin pháp lý, thông tin về công tác thực thi pháp luật, các vấn đề về công tác tổ chức cán bộ và thông tin liên quan đến tình hình và xu hướng tội phạm ở mỗi nước.

3. Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng tới các vấn đề liên quan đến quy định tương trợ tư pháp về hình sự, hợp tác tư pháp hoặc dẫn độ theo các thỏa thuận và/hoặc hiệp định riêng sau này ký kết giữa các Bên.

Điều 4: Yêu cầu phối hợp

1. Theo Hiệp định này, các cơ quan có thẩm quyền được quy định tại Điều 10 của Hiệp định này sẽ đưa ra yêu cầu cung cấp thông tin hoặc yêu cầu phối hợp khác bằng văn bản. Các yêu cầu đó có thể được chuyển trực tiếp giữa các cơ quan có thẩm quyền và được trao đổi thực hiện qua các kênh tương tự giữa các Bên. Khi được yêu cầu, xét theo mức độ khẩn cấp của tình hình, các yêu cầu bằng lời có thể được chấp nhận, nhưng sau đó phải được xác nhận bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể.

2. Các Bên sẽ gửi kèm theo các tài liệu cần thiết cho việc thực hiện các yêu cầu nói trên. Yêu cầu và tài liệu đi kèm này sẽ sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh và được chứng thực phù hợp theo các tiêu chuẩn của Bên yêu cầu.

3. Nếu một yêu cầu không đáp ứng được các quy định chính thức theo pháp luật ở mỗi nước, hoặc yêu cầu đó còn bất kỳ điểm nào chưa rõ ràng thì Bên được yêu cầu có thể đề nghị chỉnh sửa và hoàn thiện lại yêu cầu đó.

4. Nếu yêu cầu đưa ra không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tiếp nhận yêu cầu thì cơ quan đó sẽ chuyển tiếp ngay yêu cầu này đến cơ quan chức năng phù hợp của Bên được yêu cầu và thông báo cho cơ quan chức năng của Bên yêu cầu biết.

Điều 5: Quyền từ chối

1. Yêu cầu đưa ra theo quy định tại Điều 4 của Hiệp định này có thể bị từ chối nếu Bên được yêu cầu cho rằng yêu cầu đó có thể gây phương hại đến chủ quyền hoặc an ninh của nước đó hoặc vi phạm các quy định pháp lý nói chung hoặc xâm phạm đến các lợi ích thiết yếu khác của nước đó.

2. Trong những trường hợp như vậy, Bên được yêu cầu sẽ kịp thời thông báo cho Bên yêu cầu về việc từ chối và lý do từ chối đó.

Điều 6: Sử dụng và trao đổi thông tin

1. Nếu không có sự đồng ý của Bên được yêu cầu, thông tin và tài liệu nhận được trong khuôn khổ Hiệp định này sẽ không được sử dụng vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu trong yêu cầu và đã được Bên được yêu cầu chấp nhận.

2. Không được phép chuyển tiếp và/hoặc tiết lộ thông tin cho Bên thứ ba nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Bên cung cấp thông tin đó theo quy định tại Hiệp định này.

3. Trong trường hợp thông tin không đầy đủ hoặc không chính xác, các Bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau về việc này.

4. Trên cơ sở tự nguyện hoặc khi có yêu cầu, các Bên sẽ thông báo cho nhau về kết quả sử dụng thông tin đã được cung cấp.

Điều 7: Bảo mật thông tin

1. Thông tin mà một Bên đã nhận được theo khuôn khổ của Hiệp định này sẽ được bảo mật theo quy định pháp luật quốc gia nếu việc tiết lộ thông tin đó có thể gây ảnh hưởng đến quan hệ giữa các Bên hoặc có thể làm phương hại đến Bên nhận thông tin.

2. Các Bên sẽ bảo mật các thông tin mật khỏi sự truy cập, thay đổi, công bố hoặc tán phát trái phép theo các quy định pháp luật quốc gia.

Điều 8: Đánh giá thông tin

1. Theo Hiệp định này, việc trao đổi các thông tin cá nhân sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật quốc gia của các Bên. Mỗi Bên có quyền từ chối yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân nếu xét thấy mức độ bảo mật thông tin là không thỏa

đáng. Các hiệp ước quốc tế hiện hành về bảo mật thông tin là nguyên tắc để đánh giá mức độ bảo mật thông tin do Bên yêu cầu thực hiện.

2. Khi đánh giá mức độ thỏa đáng của việc bảo mật thông tin cá nhân do Bên yêu cầu thực hiện, phía Thụy Điển sẽ áp dụng các nguyên tắc bảo mật thông tin theo quy định của Công ước bảo vệ cá nhân liên quan đến quy trình xử lý thông tin cá nhân tự động (Công ước Strasbourg ngày 28/01/1981).

3. Khi đánh giá mức độ thỏa đáng của việc bảo mật thông tin cá nhân do Bên yêu cầu thực hiện, phía Việt Nam sẽ áp dụng các nguyên tắc bảo mật thông tin theo các quy định pháp luật có liên quan của Việt Nam.

Điều 9: Chi phí

1. Các Bên sẽ tự chịu các chi phí phát sinh trong quá trình thực hiện Hiệp định này, ngoại trừ các chi phí trả cho các chuyên gia hoặc giảng viên.

2. Nếu việc thực hiện yêu cầu đòi hỏi hoặc sẽ phát sinh chi phí lớn và đặc biệt thì các Bên sẽ tham vấn với nhau về các điều kiện và điều khoản thực hiện các yêu cầu đó cũng như cách thức thanh toán các chi phí này.

Điều 10: Các cơ quan có thẩm quyền

1. Các Bên sẽ thông báo cho nhau qua kênh ngoại giao về các cơ quan có thẩm quyền thực hiện Hiệp định này.

2. Các cơ quan có thẩm quyền của các Bên, trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc gia, có thể ký kết các thỏa thuận riêng giữa các cơ quan với nhau nhằm mục đích thực hiện các quy định của Hiệp định này.

Điều 11: Giải quyết bất đồng

Mọi bất đồng phát sinh trong quá quá trình giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán và tham vấn giữa các Bên.

Điều 12: Sửa đổi và bổ sung

Hiệp định này có thể được sửa đổi hoặc bổ sung bất cứ khi nào trên cơ sở thống nhất bằng văn bản của các Bên.

Điều 13: Quan hệ với các thỏa thuận quốc tế khác

Hiệp định này không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo các quy định trong các điều ước và thỏa thuận quốc tế khác.

Điều 14: Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo cuối cùng mà các Bên gửi cho nhau qua kênh ngoại giao về việc các Bên đã hoàn tất các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Mỗi Bên có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng thông báo bằng văn bản cho Bên kia. Việc chấm dứt Hiệp định sẽ có hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo đó.

3. Việc chấm dứt hiệu lực Hiệp định này không ảnh hưởng đến nghĩa vụ của các Bên theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG, sau đây những người đại diện được ủy quyền hợp pháp của các Bên đã ký vào Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội ngày 27 tháng 02 năm 2013, thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Thụy Điển và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự hiểu khác nhau sẽ lấy bản tiếng Anh làm chuẩn./.

TM. CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	**TM. CHÍNH PHỦ** **VƯƠNG QUỐC THỤY ĐIỂN**
Đại tướng TRẦN ĐẠI QUANG **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**	**BEATRICE ASK** **BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

AVTAL

Mellan

SOCIALISTISKA REPUBLIKEN VIETNAMS REGERING

och

KONUNGARIKET SVERIGES REGERING

om

SAMARBETE MELLAN BROTTSBEKÄMPANDE MYNDIGHETER FÖR ATT FÖREBYGGA OCH BEKÄMPA BROTTSLIGHET

Socialistiska republiken Vietnams regering och Konungariket Sveriges regering, nedan kallade *parterna*,

som önskar stärka de vänskapliga förbindelserna ytterligare och fördjupa samarbetet mellan de båda länderna, med utgångspunkt i den gemensamma respekten för de mänskliga rättigheterna, rättsstatens principer, jämställdhet, ömsesidig nytta och förståelse,

som önskar ge medborgare i de båda länderna och i andra länder, som befinner sig inom parternas territorium, ett effektivt skydd mot terrorhandlingar och annan brottslighet,

som har som målsättning att i enlighet med gällande internationell och nationell rätt i respektive land stärka och utveckla samarbetet mellan brottsbekämpande myndigheter för att förebygga och bekämpa brott som hänför sig till de båda länderna.

som stöder sig på folkrättens ändamål och principer som de båda länderna har anslutit sig till samt på Förenta nationernas resolutioner och fackorgan i syfte att bekämpa brottslighet,

har kommit överens om följande.

Artikel 1: Samarbetets syfte

1. Parterna bör stärka det bilaterala samarbetet genom gemensamma åtgärder som syftar till att förebygga och bekämpa gränsöverskridande brottslighet som hänför sig till Viet Nam och Sverige.

2. Parterna bör tillämpa detta avtal i en god samarbetsanda och med målsättningen att främja partnerskapet och det gemensamma ansvaret för att förebygga och bekämpa brottslighet.

Artikel 2: Samarbetets innehåll

Parterna ska med utgångspunkt i avtalets bestämmelser och respektive nationell lagstiftning prioritera ett samarbete som syftar till att bekämpa följande brott:

1. Organiserad gränsöverskridande brottslighet.
2. Smuggling av narkotika, psykotropa ämnen och prekursorer.
3. Människohandel.
4. Terrorism och finansiering av terrorism.
5. Sexuellt utnyttjande av barn.
6. Penningtvätt och korruption.
7. Bedrägeri eller urkundsförfalskning.
8. Andra allvarliga brott som parterna gemensamt kommer överens om i enlighet med båda länders lagstiftning.

Artikel 3: Former för samarbete

1. Samarbetet mellan parterna ska bland annat omfatta utbyte av kriminalunderrättelser och andra åtgärder som är förenliga med detta avtals syfte och med parternas åtaganden enligt andra internationella överenskommelser samt inom ramen för respektive nationell lagstiftning.

2. Parternas behöriga myndigheter får även samarbeta bland annat genom att utbyta erfarenheter och specialister och genom utbildning samt genom att förse varandra med rättslig information, uppgifter om det brottsbekämpande arbetet, organisatoriska frågor, yrkesetik och information om brottssituationen och brottstrender i sina respektive stater.

3. Detta avtal ska inte inverka på frågor som rör ömsesidig rättslig hjälp i brottmål, rättsligt samarbete eller utlämning, vilka ska omfattas av separata avtal och/eller överenskommelser mellan parterna.

Artikel 4: Begäran om information

1. Begäran om information eller andra åtgärder i enlighet med detta avtal ska ske skriftligen av de behöriga myndigheter som har förmedlats i enlighet med artikel 10 i detta avtal. Sådan begäran ska göras direkt mellan de behöriga

myndigheterna och ska besvaras på samma sätt. För det fall ett ärende brådskar kan även en muntlig begäran godtas. Den muntliga begäran måste emellertid bekräftas skriftligen så snart som möjligt.

2. Till begäran ska bifogas de handlingar som är nödvändiga för att begäran ska kunna tillmötesgås. Begäran och därtill bifogade handlingar ska vara avfattade på engelska och vederbörligen styrkta enligt den begärande partens normer.

3. Om en begäran inte uppfyller de formella krav som ställs enligt den nationella lagstiftningen i respektive land, eller vid annan osäkerhet avseende begäran, får en korrigering eller komplettering krävas.

4. Om det inte ingår i den mottagande myndighetens behörighet att behandla begäran ska myndigheten skyndsamt vidarebefordra begäran till behörig myndighet i den anmodade parten och meddela detta till myndigheten i den begärande parten.

Artikel 5: Avslag på begäran

1. Den anmodade parten kan avslå en begäran i enlighet med artikel 4 om den anser att begäran kan vara till skada för statens suveränitet eller säkerhet eller att den strider mot statens allmänna rättsprinciper eller andra väsentliga intressen.

2. I sådana fall ska den anmodade parten utan onödigt dröjsmål informera den begärande parten om avslaget och skälet till detta.

Artikel 6: Användning och överföring av uppgifter

1. Uppgifter och handlingar som har tagits emot inom ramen för detta avtal får inte, utan den anmodade partens samtycke, användas för andra ändamål än för de ändamål som har angetts i begäran och som har godtagits av den anmodade parten.

2. Överförda uppgifter får endast vidarebefordras och/eller lämnas ut till en tredje stat efter det att den överförande partens behöriga myndighet skriftligen har samtyckt till detta i enlighet med detta avtal.

3. Om uppgifterna är ofullständiga eller felaktiga ska parterna skyndsamt meddela varandra detta.

4. Parterna ska självmant eller på begäran informera varandra om utfallet av användningen av de uppgifter som de har fått ta del av.

Artikel 7: Sekretess

1. Uppgifter som en part har tagit emot inom ramen för detta avtal ska i enlighet med nationell lagstiftning behandlas konfidentiellt om utlämnandet av uppgifterna skulle kunna störa relationen mellan parterna eller på annat sätt vara till skada för den mottagande parten.

2. Parterna ska säkerställa att hemliga uppgifter skyddas mot obehörig åtkomst, ändring, offentliggörande eller spridning, i enlighet med parternas respektive nationella lagstiftning.

Artikel 8: Lämplig skyddsnivå

1. Utbyte av personuppgifter enligt detta avtal ska göras i enlighet med parternas nationella lagstiftning. Varje part har rätt att avslå en begäran om dataskyddet bedöms vara bristfälligt. Tillämpliga internationella fördrag om dataskydd bör användas som vägledning vid bedömning av vilken skyddsnivå som den begärande parten ska använda för uppgifterna.

2. Vid bedömning av om skyddsnivån som den begärande parten använder för hantering av personuppgifter är adekvat kommer Sverige att utgå från principer för dataskydd i enlighet med konventionen om skydd för enskilda vid automatisk databehandling av personuppgifter (Strasbourg den 28 januari 1981).

3. Vid bedömning av om skyddsnivån som den begärande parten använder för hantering av personuppgifter är adekvat kommer Viet Nam att utgå från principer för dataskydd i enlighet med gällande lagar i Viet Nam.

Artikel 9: Kostnader och utgifter

1. Vardera parten ska stå för sina egna kostnader och utgifter i samband med tillämpningen av detta avtal, med undantag för utgifter för arvoden till experter och utbildare.

2. Om väsentliga och extraordinära utgifter krävs, eller kommer att krävas, för att kunna tillmötesgå en begäran ska parterna samråda med varandra för att bestämma de villkor som ska gälla för att begäran ska kunna tillmötesgås och hur kostnaderna ska fördelas.

Artikel 10: Behöriga myndigheter

1. Parterna ska på diplomatisk väg meddela varandra vilka nationella myndigheter som ska vara behöriga att tillämpa detta avtal.

2. Parternas behöriga myndigheter får, i enlighet med nationell lagstiftning, ingå avtal sinsemellan i syfte att genomföra bestämmelserna i detta avtal.

Artikel 11: Tvistlösning

Tvister om tolkningen eller tillämpningen av detta avtal ska lösas genom vänskapliga förhandlingar och samråd mellan parterna.

Artikel 12: Ändring

Detta avtal kan när som helst revideras eller ändras efter båda parters skriftliga samtycke.

Artikel 13: Förhållande till andra internationella avtal

Detta avtal påverkar inte parternas rättigheter och skyldigheter enligt andra internationella fördrag och avtal.

Artikel 14: Ikraftträdande och uppsägning av avtalet

1. Detta avtal träder i kraft trettio (30) dagar efter den dag då det sista skriftliga meddelandet togs emot varigenom parterna, på diplomatisk väg, underrättar varandra om att deras respektive nationella rättsliga förfaranden för att avtalet ska träda i kraft är avslutade.

2. Avtalet gäller på obestämd tid. Var och en av parterna får säga upp det genom ett skriftligt meddelande till den andra parten. Uppsägningen träder i kraft sex månader efter den dag då meddelandet togs emot.

3. Parternas skyldigheter enligt artiklarna 6 och 7 fortsätter att gälla även om avtalet sägs upp.

Till bekräftelse härav har undertecknade, därtill av respektive part vederbörligen befullmäktigade ombud, undertecknat detta avtal.

Upprättat i Ha Noi den ..... 2013 i två exemplar på vietnamesiska, svenska och engelska. I händelse av skiljaktighet ska den engelska texten gälla.

FÖR SOCIALISTISKA REPUBLIKEN VIET NAMS REGERING	FÖR KONUNGARIKET SVERIGES REGERING
TRAN DAI QUANG	BEATRICE ASK

AGREEMENT

between

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

and

THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF SWEDEN

on

LAW ENFORCEMENT COOPERATION IN PREVENTING AND COMBATING CRIME

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Kingdom of Sweden, hereinafter referred to as "the Parties";

Wishing to further enhance the friendly relations and to strengthen the cooperation between the two countries, on the basis of mutual respect for human rights, the rule of law, sovereignty, equality, mutual benefit and understanding;

Desiring to effectively protect the citizens of the two countries's and of other countries in the territory of each Party from terrorist acts and other crimes;

Aiming at strengthening and developing law enforcement cooperation in accordance with the currently applicable international and national laws of each country in order to effectively prevent and combat crimes related to the two countries;

Basing themselves on the objectives and principles of public international laws that the two countries have acceded to as well as the Resolutions of the United Nations and its specialised agencies for the purpose of combating crime;

Have agreed as follows:

Article 1: Objective of Cooperation

1. The Parties should strengthen the bilateral cooperation in collaborative actions in the prevention and fight against transnational crime relating to Viet Nam and Sweden.

2. The Parties should implement this Agreement in the high spirit of cooperation and in realization of the aim to promote partnership and shared responsibility in preventing and combating crime.

Article 2: Contents of Cooperation

Based on the regulations in the Agreement and their respective national legislation, the Parties shall give its cooperation priority to combating the following types of crimes:

1. Organized transnational crime;
2. Smuggling of narcotic drugs, psychotropic substances and precursors;
3. Trafficking in human beings;
4. Terrorism and financing terrorism;
5. Sexual abuse against minors;
6. Money laundering and corruption;
7. Counterfeiting or forging of documents;
8. Other grave crimes as mutually identified by the Parties in accordance with the laws of both countries.

Article 3: Forms of Cooperation

1. Forms of cooperation between the Parties shall include the exchange of criminal intelligence and other measures that are in accordance with the objectives of this Agreement and with the undertakings of the Parties under other international agreements and within the framework of their respective national legislation.

2. The competent authorities of the Parties may in addition cooperate by i.a. means of exchanges of experience and specialists, and training and by furnishing one another with legal information, information on law enforcement work, organizational issues, professional ethics and information regarding the crime situation and trends in crime in their States.

3. This Agreement shall not affect issues relating to the provision of mutual legal assistance in criminal matters, judicial cooperation or extradition, which shall be subject to separated agreements and/or arrangements between the Parties.

Article 4: Requests for Information

1. Requests for information or other measures in conformity with this agreement shall be made in writing by the competent authorities conveyed in accordance with Article 10 of this Agreement. Such requests shall be made directly between the competent authorities and shall be returned through the same channels. When required, because of the urgency of the situation, oral requests may be accepted, but must be confirmed in writing as soon as possible.

2. Documents necessary for the execution of such requests shall accompany the request. Such request and accompanying documents shall be in

English and properly authenticated according to the standards of the requesting Party.

3. If a request does not meet the formal requirements according to national legislation in each country, or in case of any other uncertainty pertaining to the request, its correction or completion may be demanded.

4. If it is not within the competence of the authority receiving a request to satisfy that request, the authority shall forward the request without delay to the competent authority of the requested Party and inform the authority in the requesting Party accordingly.

Article 5: Refusal of Requests

1. A request in accordance with Article 4 of this Agreement may be denied if the requested Party considers that it harms the sovereignty or security of its State or that it contravenes general legal principles or other essential interests of its State.

2. In such cases, the requesting Party shall be informed without delay by the requested Party of the refusal and its cause.

Article 6: Use and Transmission of Information

1. Information and documents that have been received within the framework of this Agreement shall not, without consent of the requested Party, be used for purposes other than those stated in the request and accepted by the requested Party.

2. The forwarding and/or disclosure of transmitted data to a third state can be done only upon written consent of the competent authority of the transmitting Party in accordance with this Agreement.

3. In case of incomplete or incorrect data, the Parties shall notify each other without delay.

4. The Parties shall inform each other on a voluntary basis or upon request about the outcome of the use of the information that has been given to it.

Article 7: Confidentiality

1. Information that has been received by a Party within the framework of this Agreement shall be kept confidential in accordance with national legislation, if the disclosure of the information would disturb the relations between the Parties or would otherwise cause damage to the receiving Party.

2. The Parties shall ensure protection of the secret information against unauthorised access, alteration, publication or dissemination, in accordance with their national legislation.

Article 8: Adequacy Assessment

1. The exchange of personal data, in accordance with this Agreement, shall be subject to the national legislation of the Parties. Each Party has the right to refuse a request if the level of data protection is deemed to be inadequate. Applicable international treaties on data protection should be used as guidelines for assessing the level of data protection afforded by the requesting Party.

2. When assessing the adequacy of the level of protection of personal data afforded by the requesting Party, Sweden will apply data protection principles in accordance with the Convention for the Protection of Individuals with regard to automatic processing of personal data (Strasbourg 28 January 1981).

3. When assessing the adequacy of the level of protection of personal data afforded by the requesting Party, Viet Nam will apply data protection principles in accordance with the relevant laws of Viet Nam.

Article 9: Costs and Expenses

1. Each Party shall bear its own costs and expenses incurred in the implementation of this Agreement, with the exception of expenses for fees paid to experts or trainers.

2. If expenses of a substantial and extraordinary nature are, or will be, required to execute a request, the Parties shall consult each other to determine the terms and conditions under which the requests shall be executed as well as the manner in which the costs shall be borne.

Article 10: Competent Authorities

1. The Parties shall through diplomatic channels communicate to each other the competent authorities for the implementation of this Agreement.

2. The competent authorities of the Parties may, in accordance with national legislation, conclude agreements between themselves for the purpose of implementing the provisions of this Agreement.

Article 11: Settlement of Dispute

Any dispute arising from the interpretation or the implementation of this Agreement shall be settled through amicable negotiations and consultations between the Parties.

Article 12: Modification and Amendment

This Agreement may be reviewed or amended at any time by mutual written consent of the Parties.

Article 13: Relation to other International Agreements

This Agreement does not affect the rights and obligations of the Parties under other international treaties and agreements.

Article 14: Entry into Force and Termination of the Agreement

1. This Agreement shall enter into force thirty (30) days after the receipt of last written notification by which the Parties have informed each other, via diplomatic channels, that their internal legal procedures necessary for its entry into force has been completed.

2. It shall remain in force for an indefinite period. Either Party may terminate this Agreement by means of written notice to the other Party. Termination shall take effect six months following the date of receipt of a notification.

3. Termination of this Agreement should not affect the obligations of the Parties as set forth in Articles 6 and 7.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized representatives of the respective Parties have signed the Agreement.

Done at Hanoi on 27 February 2013, in duplicate in the Vietnamese, the Swedish and the English languages. In case of any divergency the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	**FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF SWEDEN**
General TRẦN ĐẠI QUANG	**BEATRICE ASK**
MINISTER OF PUBLIC SECURITY	**MINISTER OF JUSTICE**